

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 04-5-2022

V/v yêu cầu Tòa án buộc người
chiếm giữ trả lại GCNQSDĐ, chấm
dứt hành vi cản trở thực hiện quyền
của người sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Lược;

Ông Đồng Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4 và 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu Tòa án buộc người chiếm giữ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông L.V.C, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp LC, xã LT, huyện DT, tỉnh BD, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông N.M.L, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp ĐS, xã MT, huyện DT, tỉnh BD, là đại diện ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/01/2022, có mặt.

- Bị đơn: Ông N.V.T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thửa đất số A, tờ bản đồ B, ấp VU, xã TĐ, huyện BTU, tỉnh BD, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà V.T.Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp Long Chiêu, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có đơn đề V.V.N giải quyết vắng mặt;

2. Bà V.T.L.Th, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp Long Chiêu, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, có mặt ngày 28/4/2022, vắng mặt ngày tuyên án 04/5/2022;

3. Ông V.V.N, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp Long Chiêu, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, có mặt;

4. Công ty TNHH đầu tư phát triển nông nghiệp TĐP; địa chỉ: Thửa đất số A, tờ bản đồ B, ấp VU, xã TĐ, huyện BTU, tỉnh BD. Đại diện theo pháp luật: Ông N.V.T – Giám đốc, có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông L.V.C và người đại diện ông N.M.L trình bày: Năm 2019, ông V.V.N và ông N.V.T hợp tác chăn nuôi gà công nghiệp.

Do mối quan hệ gia đình giữa ông N.V.C với ông V.V.N (ông V.V.N là em rể của ông N.V.C). Để thực hiện hợp tác, ông N.V.C giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AE 206929, sổ vào sổ H01429/QĐ-UB ngày 17/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông L.V.C (gọi tắt là GCNQSDĐ số 206929) cho bà V.T.L.Th. Bà V.T.L.Th là cháu vợ của ông N.V.C, đồng thời là con gái của ông V.V.N. Ông N.V.C làm Hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất ngày 19/11/2019 cho bà V.T.L.Th được quyền dùng GCNQSDĐ số 206929 để thế chấp cho Công ty chăn nuôi gia công.

Ông V.V.N là bố của bà V.T.L.Th cầm Hợp đồng ủy quyền ngày 19/11/2019 và GCNQSDĐ số 206929 thế chấp cho ông N.V.T để ông N.V.T giao gà, cám, tiền mua vacxin,... cho ông V.V.N thực hiện hợp tác chăn nuôi theo thỏa thuận giữa ông N.V.T và ông V.V.N mà không được sự đồng ý của ông N.V.C.

Do việc hợp tác chăn nuôi không đạt hiệu quả nên ngày 13/01/2021, ông N.V.T và ông V.V.N thỏa thuận chấm dứt hợp tác nuôi gà nhưng ông N.V.T không trả lại GCNQSDĐ số 206929 cho ông N.V.C. Do đó, ông N.V.C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N.V.T chấp dứt hành vi trái pháp luật chiếm giữ trái phép GCNQSDĐ, trả cho ông N.V.C GCNQSDĐ số 206929.

Bị đơn ông N.V.T trình bày tại Bản tự khai ngày 24/02/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông N.V.T với ông V.V.N hợp tác chăn nuôi gà thịt theo hình thức hợp tác gia công như đại diện ông N.V.C trình bày. Tháng 03/2020, ông N.V.T đăng ký thành lập Công ty TNHH đầu tư phát triển nông nghiệp TĐP. Quá trình hợp tác, ngày 13/01/2021 ông N.V.T nhận từ ông Nghị GCNQSDĐ số 206929 và 01 Hợp đồng ủy quyền ngày 19/11/2019 để bảo đảm cho việc hợp tác chăn nuôi gà thịt giữa 2 bên.

- Lứa gà hợp tác chăn nuôi đầu tiên giữa 2 bên từ ngày 02/02/2021 đến ngày 06/04/2021, các bên đã thực hiện đúng thỏa thuận. Lứa thứ 2 từ ngày 30/04/2021 đến ngày 11/6/2021 thì phát sinh tranh chấp do ông V.V.N giao gà không đủ số lượng đầu gà và trọng lượng gà theo định mức kỹ thuật mà 02 bên đã thỏa thuận, gây thiệt hại cho ông N.V.T. Lý do ông V.V.N đưa ra là gà bị bệnh.

Quá trình đầu tư để hợp tác kinh doanh, ông N.V.T đã chi 460.155.000 đồng, mà chỉ thu hồi được 71.295.000 đồng, bị lỗ 388.860.000 đồng. Do ông V.V.N không chia sẻ rủi ro với ông N.V.T nên ông N.V.T không đồng ý trả GCNQSDĐ cho. Ông N.V.T đề V.V.N ông V.V.N chia sẻ một phần rủi ro với số tiền 100.000.000 đồng và 20.000.000 đồng ông V.V.N vay của ông N.V.T trong quá trình hợp tác thì ông N.V.T mới đồng ý trả GCNQSDĐ số 206929 cho ông N.V.C.

Ông N.V.T thừa nhận ông N.V.C không hợp tác kinh doanh với ông N.V.T; không mượn tiền của ông N.V.T; đất các bên thực hiện hợp tác chăn nuôi cũng không phải của ông N.V.C. Ông N.V.T giữ GCNQSDĐ số 206929 là do có Hợp đồng ủy quyền ngày 19/11/2019 của ông N.V.C cho cháu gái là bà V.T.L.Th. Bà V.T.L.Th là con của ông V.V.N. Ông V.V.N đã đưa GCNQSDĐ cho N.V.T để làm tin hợp tác kinh doanh. Ông N.V.C với ông V.V.N là anh em, nên rủi ro xảy ra từ việc hợp tác chăn nuôi của ông V.V.N thì ông N.V.C cũng phải chịu một phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V.V.N trình bày tại Bản tự khai ngày 06/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ông V.V.N có tự ý lấy GCNQSDĐ số 206929 giao cho ông N.V.T để làm tin hợp tác kinh doanh với ông N.V.T.

Năm 2020-2021, ông V.V.N có hợp tác chăn nuôi gà với ông N.V.T, đến lứa thứ 2 phát sinh tranh chấp do dịch cúm gà H5N7 và bệnh tả nên gà bị chết. Khi dịch bùng phát, ông V.V.N đã báo cho ông N.V.T và ông N.V.T đã thu hồi gà sống, riêng gà chết thì ông N.V.T bắt ông V.V.N bồi thường. Quá trình chăn nuôi, ông V.V.N đã thực hiện đúng nghĩa vụ nhưng phát sinh dịch là ngoài ý muốn. Ông V.V.N và vợ là bà L.T.L không được trả công nuôi gà, các chi phí cho việc chăn nuôi gà và tiền thuê đất với tổng chi phí 120.000.000 đồng. Chi phí ông V.V.N bỏ ra ông V.V.N chịu nên phần ông N.V.T bỏ ra thì ông N.V.T tự chịu.

Quá trình hợp tác với ông N.V.T, ban đầu ông V.V.N đưa GCNQSDĐ tên bà Ngát cho ông N.V.T để làm tin, sau đó ông V.V.N đổi GCNQSDĐ số 206929 của ông N.V.C có sự đồng ý của con gái là bà V.T.L.Th nhưng không có sự đồng ý của ông N.V.C. Lý do là bà V.T.L.Th có Hợp đồng ủy quyền của ông N.V.C cho bà V.T.L.Th thế chấp. Nay quan hệ làm ăn giữa ông V.V.N với ông N.V.T có tranh chấp thì ông V.V.N sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông V.V.N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N.V.C, yêu cầu ông N.V.T trả GCNQSDĐ số 206929 vì đây là giấy tờ của ông N.V.C. Ông N.V.C không liên quan đến hợp tác chăn nuôi giữa ông V.V.N với ông N.V.T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V.T.L.Th trình bày: Từ năm 2014, ông V.V.N mở trang trại để chăn nuôi gia công cho Công ty. Quá trình thực hiện gia công, theo yêu cầu của chủ đầu tư là phải có tài sản thế chấp nhưng gia đình bà không có nên mượn GCNQSDĐ của ông N.V.C là bác ruột. Việc cho mượn thể hiện thông qua Hợp đồng ủy quyền. Bà V.T.L.Th đứng tên bên nhận ủy quyền nhưng thực tế ông V.V.N là người trực tiếp thực hiện gia công. Hợp đồng

ủy quyền sau khi bà V.T.L.Th ký thì đưa cho ông V.V.N giữ. Khi ông V.V.N hợp tác kinh doanh với ông N.V.T, ông V.V.N tự ý lấy GCNQSDĐ đưa cho ông N.V.T.

Bà V.T.L.Th đồng ý với yêu cầu khởi của ông N.V.C, yêu cầu ông N.V.T trả GCNQSDĐ số 206929 cho ông N.V.C vì bà V.T.L.Th không được ông N.V.C ủy quyền giao GCNQSDĐ số 206929 cho ông N.V.T. Tranh chấp phát sinh trong quá trình chăn nuôi giữa ông V.V.N với ông N.V.T thì 2 bên tự giải quyết với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V.T.Đ trình bày: Bà V.T.Đ là vợ của ông N.V.C, bà không biết và cũng không đồng ý việc ông V.V.N giao GCNQSDĐ số 206929 cho ông N.V.T, việc làm ăn giữa ông V.V.N với ông N.V.T thì 02 ông giải quyết với nhau, bà và ông N.V.C không liên quan, đề V.V.N ông N.V.T trả GCNQSDĐ số 206929 cho vợ chồng bà V.T.Đ.

Ngày 17/3/2022, Tòa án nhận được đơn phản tố của ông N.V.T đối với ông N.V.C yêu cầu Tòa án buộc ông N.V.C chia sẻ một phần rủi ro với số tiền 100.000.000 đồng tiền thua lỗ phát sinh từ việc chăn nuôi và 20.000.000 đồng tiền mặt ông N.V.T cho ông V.V.N vay thì ông N.V.T mới đồng ý trả GCNQSDĐ số 206929 cho ông N.V.C.

Xét thấy, yêu cầu phản tố của ông N.V.T nộp cho Tòa án sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 200, điểm d khoản 1 Điều 192 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên không thụ lý yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, đại diện ông N.V.C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả bản chính GCNQSDĐ số 206929. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử V.V.N án. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thái độ không tôn trọng Hội đồng xét xử, không tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa là vi phạm khoản 5 Điều 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các đương sự khác chấp hành đúng quy định theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả GCNQSDĐ là có căn cứ nên đề V.V.N Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông N.V.C khởi kiện ông N.V.T về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu Tòa án buộc người chiếm giữ trả lại GCNQSDĐ, chấm dứt hành vi cản trở

thực hiện quyền của người sử dụng đất; bị đơn cư trú tại xã TĐ, huyện BTU, tỉnh BD. Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Ngày 17/3/2022, ông N.V.T có đơn phản tố đối với ông N.V.C, yêu cầu Tòa án buộc ông N.V.C chia sẻ một phần rủi ro và thanh toán nợ ông V.V.N vay của ông N.V.T số tiền 120.000.000 đồng thì ông N.V.T mới đồng ý trả GCNQSDĐ số 206929 cho ông N.V.C. Xét thấy, yêu cầu phản tố của ông N.V.T nộp cho Tòa án sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án căn cứ Điều 200, điểm đ khoản 1 Điều 192 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không thụ lý yêu cầu phản tố là đúng.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V.T.Đ có đơn đề V.V.N Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà V.T.Đ.

[4] Ông N.V.C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N.V.T là người chiếm giữ trả lại GCNQSDĐ số 206929, chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất (ông N.V.C không thể thực hiện quyền chuyển nhượng, tặng cho QSDĐ, thế chấp QSDĐ,... do không có giấy tờ về đất). Ông N.V.T thừa nhận có chiếm giữ GCNQSDĐ số 206929 nhưng không đồng ý trả do đây là giấy tờ ông V.V.N tự nguyện giao cho ông N.V.T nhằm đảm bảo cho việc thực hiện hợp tác chăn nuôi giữa ông N.V.T với ông V.V.N. Con ông V.V.N là bà V.T.L.Th có Hợp đồng ủy quyền của ông N.V.C đồng ý cho bà V.T.L.Th thế chấp GCNQSDĐ của ông N.V.C để hợp tác chăn nuôi. Nay chăn nuôi bị thua lỗ, khi nào ông V.V.N, ông N.V.C chia sẻ một phần rủi ro với số tiền 100.000.000 đồng và thanh toán nợ ông V.V.N vay 20.000.000 đồng thì ông N.V.T mới đồng ý trả GCNQSDĐ số 206929.

[5] Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai nhận của ông N.V.T cho thấy, ông N.V.C không tham gia và cũng không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc hợp tác chăn nuôi của ông V.V.N với ông N.V.T; thửa đất ông N.V.C được cấp theo GCNQSDĐ số 206929 không được sử dụng để thực hiện việc hợp tác chăn nuôi giữa các bên; ông N.V.C cũng chưa từng cam kết chịu trách nhiệm hoặc hỗ trợ kinh phí cho ông V.V.N thực hiện việc chăn nuôi hoặc đảm bảo thanh toán nợ vay; Hợp đồng ủy quyền ngày 19/11/2019 là hợp đồng ông N.V.C ủy quyền cho bà V.T.L.Th dùng GCNQSDĐ số 206929 để thế chấp thực hiện hợp tác chăn nuôi, không có nội dung bà V.T.L.Th được ủy quyền lại và cũng không có nội dung cho phép ông V.V.N được thế chấp GCNQSDĐ số 206929. Do đó, ông N.V.C không có nghĩa vụ chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh từ việc hợp tác chăn nuôi giữa ông V.V.N với ông N.V.T. Tranh chấp phát sinh từ việc chăn nuôi giữa ông V.V.N với ông N.V.T nếu có sẽ được giải quyết bằng 01 vụ án khác.

[6] Khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng*

thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất”. Khoản 2 Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”. Việc ông N.V.T chiếm giữ GCNQSDĐ số 206929 làm cho ông N.V.C không thể thực hiện được quyền của người sử dụng đất như chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, theo quy định của pháp luật về đất đai nên ông N.V.C khởi kiện ông N.V.T đòi GCNQSDĐ là có căn cứ.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên đề V.V.N chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của đại diện nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Long có hành vi thiếu chuẩn mực, không tôn trọng Hội đồng xét xử như cắt ngang phân hỏi của Hội đồng xét xử khi thành viên Hội đồng xét xử hỏi đương sự khác; tự ý phát biểu khi chưa được sự đồng ý của chủ tọa phiên tòa; chỉ tay vào Hội đồng xét xử,... Điều này thể hiện sự thiếu chuyên nghiệp, không hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đề V.V.N của đại diện Viện kiểm sát về việc xem xét xử lý người đại diện do vi phạm nội quy phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Thẩm phán chủ tọa đã nhắc nhở người đại diện. Sau khi được nhắc nhở, người đại diện đã chấp hành nên việc ra quyết định xử phạt hành chính đại diện nguyên đơn do vi phạm nội quy phiên tòa theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính là chưa cần thiết.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 194, Điều 200, Điều 228, Điều 243, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 16 Điều 3, khoản 10 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ các Điều 163, Điều 164 và Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 và Điều 27 V.V.N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L.V.C với bị đơn ông N.V.T về việc yêu cầu Tòa án buộc người chiếm giữ trả lại giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất.

Bị đơn ông N.V.T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông L.V.C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 206929, sổ vào sổ H01429/QĐ-UB ngày 17/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông L.V.C.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N.V.T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông L.V.C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0009828 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn thông qua người đại diện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế